

# Kiệu Thánh Thể



1. Hôm nay giáo dân hân hoan cất tiếng. Hát lên câu ca
2. Vua trên các vua năm xưa giáng thế. Đến do nơi cung
3. Trong đêm thứ năm ăn chiên tế hiến. Chúa ban cho tông
4. Giê - su trước khi treo trên thánh giá. Hiến ban cho nhân
5. Khi đưa mắt lên chiêm cung Bí Tích. Chúa Giê - su nường
6. Tôn vinh Chúa Cha vinh quang chiếu sáng. Chúa Ngôi Con muôn
7. Tan - tum er - go sa - cra - men - tum. Ve - ne - re - mur
8. Ge - ni - to - ri ge - ni - to - que. Laus et ju - bi -



1. mừng Chúa cứu chuộc. Nay đây xác Chúa muôn đời khải hoàn. Đây
2. lòng rất thanh sạch. Người sinh xuống giữa ta tại dương trần. Ban
3. đồ dầu thiết tình. Người ban xác thánh cho đoàn chiên Người. Ban
4. loại Bí Tích Người. Truyền cho bánh miến nên thành thân Người. Cho
5. mình dưới bánh rượu. Lòng tin vững chắc không còn nghi ngờ. Tuy
6. đời đáng chúc tụng. Cùng chung ánh sáng danh dự uy quyền. Trong
7. cer - nu - i. Et an - ti - quum do - cu - men - tum. No
8. la - ti - o: Sa - lus, ho - nor, vir - tus quo - que. Sit



1. Máu vinh quang đã cứu thế trần. Toàn dân nâng lời ca hát chúc khen.
2. phát cho ta Lời quý giá Người. Và khi loan về nơi Đức Chúa Cha.
3. phát cho môn đồ Máu Thánh Người. Người nên lương thần nuôi sống thế nhân.
4. nước nho tươi thành Máu Thánh Người. Giờ đây không còn rượu với bánh xưa.
5. mắt không trông nhìn thấy nhãn tiền. Từ đây khai mạc giao ước thánh ân.
6. ánh vinh quang cùng Chúa thống trị. Từ nơi dương trần vang tiếng chúc ca.
7. vo ce - dat ri - tu - i: Prae - stet fi - des sup - ple - men - tum.
8. et be - ne - dic - ti - o: Pro - ce - den - ti ab u - tro - que.



1. Thân xác và Máu Chúa hiến vinh. A - men!
2. Ban chính Máu Thịt nuôi trần gian.
3. Nên chính của uống ban ngàn ơn.
4. Nhưng chính Thịt Máu Chúa Giê - su.
5. Niêm ấn bằng Máu Chiên Vượt Qua.
6. Lên tới tòa Chúa chốn trời cao.
7. Sen - su - um de - fec - tu - i.
8. Com - par sit lau - da - ti - o.